

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012**



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1-2
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	3
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	4-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 23



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **1. Công ty**

Công ty cổ phần điện tử Bình Hòa ("Công ty") được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 2 năm 2006, thay đổi lần thứ nhất ngày 7 tháng 8 năm 2007 và thay đổi lần thứ hai vào ngày 17 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính tại số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Thiết kế, chế tạo, sản xuất, mua bán thiết bị điện, điện tử, tin học viễn thông (kể cả phần cứng, phần mềm).
- Sản xuất, mua bán máy điều hòa không khí, thiết bị hệ thống lạnh.
- Thiết kế, sản xuất, mua bán các linh kiện, cụm linh kiện, chi tiết cho các thiết bị điện, điện tử, máy điều hòa không khí, hệ thống lạnh.
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê căn hộ, văn phòng, kho tàng, nhà xưởng, bến bãi.
- Dịch vụ lắp đặt, bảo trì các thiết bị, hệ thống lạnh, mạng tin học, âm thanh, ánh sáng.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu dân cư.

Trong năm 2012, hoạt động chính của Công ty là : sản xuất, gia công linh kiện điện tử, cho thuê bất động sản.

### **2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông	Nguyễn Anh Dũng	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông	Trần Thanh Lưu	Thành viên
Bà	Lê Thị Ngọc Thủy	Thành viên
Ông	Lưu Hoàng Long	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 14/05/2012)

#### **Ban kiểm soát**

Bà	Trần Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban kiểm soát
Bà	Hà Thị Phương	Thành viên
Ông	Nguyễn Văn Trãi	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông	Nguyễn Văn Thành	Giám đốc
Ông	Trần Minh Đức	Phó Giám đốc
Ông	Phan Cao Hiệp	Phó Giám đốc
Ông	Hà Hữu Quang	Phó Giám đốc

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4489  
ÔNG  
THÊM  
M T  
VIỆT  
TP. HỒ



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (trước đây là Công ty TNHH BDO Việt Nam) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

#### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

#### **7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Thay mặt Hội đồng Quản trị**



**NGUYỄN ANH DŨNG**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2013

25-C  
TY  
HỮU  
ÁN  
NAM  
CHỈ





Số : 39/2013/BCKT-HCM.00195

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Giám đốc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm : Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, được lập vào ngày 16 tháng 3 năm 2013 của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa (gọi tắt là "Công ty"), được trình bày từ trang 4 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**ĐẶNG THỊ MỸ VÂN**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số 0173/KTV

**TRƯƠNG THỊ HƯƠNG**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số 1042/KTV

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>31.370.383.969</b>	<b>30.355.426.957</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>11.719.311.251</b>	<b>957.953.065</b>
Tiền	111		10.219.311.251	957.953.065
Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>9.464.226.894</b>	<b>15.453.307.867</b>
Phải thu khách hàng	131	4.2	7.534.785.490	11.263.075.273
Trả trước cho người bán	132	4.3	30.661.600	1.823.078.359
Các khoản phải thu khác	135	4.4	1.898.779.804	2.367.154.235
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.5</b>	<b>9.940.401.117</b>	<b>13.770.312.738</b>
Hàng tồn kho	141		9.992.813.066	14.061.745.965
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(52.411.949)	(291.433.227)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>246.444.707</b>	<b>173.853.287</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		26.737.505	58.936.380
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.13	219.707.202	114.916.907
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.049.893.416</b>	<b>6.203.875.198</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.195.878.169</b>	<b>4.011.990.129</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	3.112.650.260	3.928.762.220
Nguyên giá	222		23.816.409.964	23.463.605.509
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.703.759.704)	(19.534.843.289)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228	4.7	127.708.107	127.708.107
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(127.708.107)	(127.708.107)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		83.227.909	83.227.909
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	4.8	<b>681.987.706</b>	<b>975.173.364</b>
Nguyên giá	241		6.211.957.943	6.211.957.943
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(5.529.970.237)	(5.236.784.579)
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.9	<b>956.500.000</b>	<b>956.500.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		510.000.000	510.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		446.500.000	446.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>215.527.541</b>	<b>260.211.705</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	215.527.541	260.211.705
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>36.420.277.385</b>	<b>36.559.302.155</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.866.344.850</b>	<b>2.022.848.159</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.708.828.250</b>	<b>1.954.438.159</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312	4.11	1.950.881.280	61.000.000
Người mua trả tiền trước	313	4.12	246.929.982	204.891.278
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.13	611.235.152	456.187.308
Phải trả công nhân viên	315		-	-
Chi phí phải trả	316		1.328.166	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.14	19.285.572	1.012.445.628
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.15	(120.831.902)	219.913.945
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>157.516.600</b>	<b>68.410.000</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		157.516.600	68.410.000
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>33.553.932.535</b>	<b>34.536.453.996</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.16	<b>33.553.932.535</b>	<b>34.536.453.996</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.000.000.000	29.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.758.068.050	1.571.317.902
Quỹ dự phòng tài chính	418		458.851.690	274.310.406
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.337.012.795	3.690.825.688
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>36.420.277.385</b>	<b>36.559.302.155</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản thuê ngoài	-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	30.303.506	30.303.506
Ngoại tệ các loại (USD)	109.876,86	28.770,72
Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-



LÊ THỊ NGỌC THỦY  
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN THÀNH  
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2013

95-C  
TY  
HỮU  
HẠN  
NAM  
HỒ CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>100.103.825.129</b>	<b>104.464.539.225</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	100.103.825.129	104.464.539.225
Giá vốn hàng bán	11	5.2	83.145.495.098	88.719.271.320
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>16.958.330.031</b>	<b>15.745.267.905</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	528.153.656	1.997.198.337
Chi phí tài chính	22	5.4	369.143.309	1.030.952.791
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	5.5	3.794.660.477	3.257.163.924
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	10.183.639.965	9.266.500.943
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>3.139.039.936</b>	<b>4.187.848.584</b>
Thu nhập khác	31	5.7	280.138.485	462.399.720
Chi phí khác	32	5.8	316.671.080	158.912.847
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(36.532.595)</b>	<b>303.486.873</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>3.102.507.341</b>	<b>4.491.335.457</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	765.494.546	800.509.769
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>2.337.012.795</b>	<b>3.690.825.688</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.10	806	1.273

LÊ THỊ NGỌC THỦY  
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN THÀNH  
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2013



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	2012 VND	2011 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	3.102.507.341	4.491.335.457
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.462.102.073	1.864.306.025
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(239.021.278)	291.433.227
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(9.653.448)	(211.145.555)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(71.400.000)	(584.161.339)
Chi phí lãi vay	06	-	-
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>4.244.534.688</b>	<b>5.851.767.815</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	5.889.663.648	52.843.750
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	4.068.932.899	1.664.092.819
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	1.355.449.204	(6.776.441.750)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	76.883.039	76.579.793
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(933.299.108)	(1.096.361.422)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(760.280.103)	(442.325.017)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>13.941.884.267</b>	<b>(669.844.012)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(352.804.455)	(96.159.727)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	279.454.545
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	71.400.000	112.924.794
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(281.404.455)</b>	<b>296.219.612</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.900.000.000)	(2.900.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.900.000.000)</b>	<b>(2.900.000.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>			
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>957.953.065</b>	<b>4.238.667.915</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	878.374	(7.090.450)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>11.719.311.251</b>	<b>957.953.065</b>

LÊ THỊ NGỌC THUY

Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN THANH

Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2013



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần điện tử Bình Hòa ("Công ty") được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 2 năm 2006, thay đổi lần thứ nhất ngày 7 tháng 8 năm 2007 và thay đổi lần thứ hai vào ngày 17 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính tại số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VBH.

Trong năm 2012, hoạt động chính của Công ty là : sản xuất, gia công linh kiện điện tử, cho thuê bất động sản đầu tư.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số nhân viên của Công ty là 631 người ( ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 738 người) , trong đó số nhân viên quản lý là 79 người.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo ngân hàng Vietcombank công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí phát sinh và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho mỗi đơn vị sản phẩm theo sản lượng thành phẩm sản xuất trong kỳ (tháng).

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 6 năm

### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm giá trị nhà kho và phân xưởng của Công ty được dùng cho thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động.

Khấu hao bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 10 năm.

### 3.8 Đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất đầu tư đối với các khoản còn đầu tư tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, phí duy trì tên miền, phí duy trì mail, lưu trữ trang web. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm kể từ khi phát sinh.

### 3.10 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

### 3.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

### 3.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu và số lao động, Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong 10 năm đầu (từ năm 2006), và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm (năm 2006 và năm 2007), và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2012).

Năm 2012 là năm cuối cùng công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp theo công văn số 3369/TCT-PCCS ngày 11 tháng 9 năm 2006 của Tổng Cục thuế.

### 3.13 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số 6.1.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt tồn quỹ	604.028.444	321.540.864
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	7.326.767.567	38.425.324
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	2.288.515.240	597.986.877
Tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn 1 tháng)	1.500.000.000	-
	<u>11.719.311.251</u>	<u>957.953.065</u>

Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn bằng USD vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 109.876,86 USD tương đương 2.288.515.240 đồng.

**4.2 Các khoản phải thu thương mại**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu khách hàng trong nước	1.718.728.532	5.619.230.675
Phải thu khách hàng nước ngoài - USD	5.816.056.958	5.643.844.598
	<u>7.534.785.490</u>	<u>11.263.075.273</u>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, trong số dư phải thu thương mại bao gồm khoản phải thu có gốc ngoại tệ là 279.242,22 USD tương đương 5.816.056.958 VND.

**4.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Trả trước người bán trong nước	30.661.600	554.397.600
Trả trước người bán nước ngoài	-	1.268.680.759
	<u>30.661.600</u>	<u>1.823.078.359</u>

**4.4 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu của Tecco	1.602.658.918 (*)	2.002.658.918
Phải thu của Lambda	3.299.155	3.959.819
Phải thu của Tohozinc	68.348.957	151.444.012
Phải thu tiền ốm đau của BHXH	220.860.694	209.091.486
Phải thu khác	3.612.080	-
	<u>1.898.779.804</u>	<u>2.367.154.235</u>

(\*) Đây là khoản tiền ứng cho Công ty Tecco thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh, nhưng đến nay hợp đồng này đã thanh lý và đang thu hồi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

**4.5 Hàng tồn kho**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên vật liệu	8.804.547.944	12.250.258.013
Công cụ, dụng cụ	333.311.337	495.160.352
Thành phẩm	854.953.785	1.316.327.600
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>9.992.813.066</b>	<b>14.061.745.965</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(52.411.949)	(291.433.227)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>9.940.401.117</b>	<b>13.770.312.738</b>

**4.6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Vào ngày 01/01/2012	16.497.634.749	3.015.664.740	2.262.197.296	1.688.108.724	23.463.605.509
Tăng trong năm			317.904.455	34.900.000	352.804.455
Vào ngày 31/12/2012	16.497.634.749	3.015.664.740	2.580.101.751	1.723.008.724	23.816.409.964
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Vào ngày 01/01/2012	13.035.937.922	2.682.933.850	2.169.748.568	1.646.222.949	19.534.843.289
Khấu hao trong năm	882.643.800	193.449.330	65.402.673	27.420.612	1.168.916.415
Vào ngày 31/12/2012	13.918.581.722	2.876.383.180	2.235.151.241	1.673.643.561	20.703.759.704
<b>Giá trị còn lại</b>					
Vào ngày 01/01/2012	3.461.696.827	332.730.890	92.448.728	41.885.775	3.928.762.220
Vào ngày 31/12/2012	2.579.053.027	139.281.560	344.950.510	49.365.163	3.112.650.260
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng					7.724.892.337

**4.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Bản quyền hệ điều hành Microsoft VND	Phần mềm quản lý vật tư VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 01/01/2012	108.436.107	19.272.000	127.708.107
Vào ngày 31/12/2012	108.436.107	19.272.000	127.708.107
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 01/01/2012	108.436.107	19.272.000	127.708.107
Vào ngày 31/12/2012	108.436.107	19.272.000	127.708.107
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 01/01/2012	-	-	-
Vào ngày 31/12/2012	-	-	-



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 4.8 Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
<b>Nguyên giá</b>	
Vào ngày 01/01/2012	6.211.957.943
Vào ngày 31/12/2012	<b>6.211.957.943</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Vào ngày 01/01/2012	5.236.784.579
Khấu hao trong năm	293.185.658
Vào ngày 31/12/2012	<b>5.529.970.237</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Vào ngày 01/01/2012	975.173.364
Vào ngày 31/12/2012	<b>681.987.706</b>

### 4.9 Đầu tư dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Cổ phần TM DV Bình Minh	510.000.000 (a)	510.000.000
Công ty CP Đầu tư XD và Ứng dụng CN Mới TECCO	446.500.000 (b)	446.500.000
	<b>956.500.000</b>	<b>956.500.000</b>

(a) Công ty Cổ phần TM DV Bình Minh được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001194 ngày 11 tháng 9 năm 2002 và thay đổi lần thứ nhất vào ngày 11 tháng 5 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp; Hoạt động chính của công ty này là sản xuất linh kiện điện tử và vốn điều lệ đăng ký là 5.000.000.000 đồng, trong đó Công ty phải góp 51% tương ứng 2.550.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã góp 510.000.000 đồng đạt 20% của số vốn mà Công ty phải góp; Và chỉ đạt 30% trên tổng số vốn mà các cổ đông đã góp vào công ty này (1.699.000.000 đồng).

(b) Khoản góp vốn đầu tư vào dự án Cao ốc căn hộ - Thương mại dịch vụ - Văn phòng cho thuê tại số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 11/HĐNT ngày 9 tháng 12 năm 2008 với Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng và Ứng Dụng Công Nghệ Mới (TECCO). Đây là khoản ứng trước theo thỏa thuận của Hợp đồng nguyên tắc, chưa xác định tổng số tiền phải góp và tiến độ góp vốn, đến thời điểm này dự án chưa triển khai xây dựng.

### 4.10 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công cụ, dụng cụ	176.494.642	241.480.455
Phí duy trì tên miền	34.224.250	18.731.250
Khác	4.808.649	-
	<b>215.527.541</b>	<b>260.211.705</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn		2012 VND	2011 VND
Số dư đầu kỳ		260.211.705	332.076.209
Phát sinh tăng trong kỳ		233.002.356	241.158.246
Phân bổ trong kỳ		(277.686.520)	(313.022.750)
<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>215.527.541</b>	<b>260.211.705</b>
<b>4.11 Phải trả người bán</b>		<b>31/12/2012 VND</b>	<b>01/01/2012 VND</b>
Phải trả người bán trong nước		-	61.000.000
Phải trả người bán nước ngoài		1.950.881.280	-
		<b>1.950.881.280</b>	<b>61.000.000</b>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 93.756,01 USD tương đương 1.950.881.280VND.			
<b>4.12 Người mua trả tiền trước</b>		<b>31/12/2012 VND</b>	<b>01/01/2012 VND</b>
Người mua trong nước		246.929.982	199.446.839
Người mua nước ngoài		-	5.444.439
		<b>246.929.982</b>	<b>204.891.278</b>
<b>4.13 Thuế</b>			
<i>Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ</i>		<b>31/12/2012 VND</b>	<b>01/01/2012 VND</b>
Thuế giá trị gia tăng đầu vào		219.707.202	114.916.907
		<b>219.707.202</b>	<b>114.916.907</b>
<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>		<b>31/12/2012 VND</b>	<b>01/01/2012 VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp		288.382.745	456.187.308
Thuế thu nhập cá nhân		2.340.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (1)		320.512.407	-
		<b>611.235.152</b>	<b>456.187.308</b>
(1) Chi tiết phát sinh tiền thuê đất năm 2012 như sau:			<b>2012 VND</b>
Số phải nộp trong năm 2012			4.268.975.530
Giảm trừ 50% tiền thuê đất phải nộp theo Quyết định 2093/QĐ-TTg (*)			(2.134.487.765)
Tiền thuê đất phải nộp bổ sung năm 2011			264.254.182
Tiền thuê đất đã nộp trong năm 2012			(2.078.229.540)
Tiền thuê đất còn phải nộp			<b>320.512.407</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

(\*) Căn cứ vào Quyết định số 2093/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Thủ Tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất trong năm 2011 và năm 2012 cho một số tổ chức kinh tế có thuê đất của Nhà nước. Công ty thuộc diện được giảm tiền thuê đất theo quyết định này. Trong thời gian chờ bổ túc hồ sơ để được cấp thẩm quyền xem xét giảm tiền thuê đất theo quy định Công ty đã tạm thời tính giảm 50% tiền thuê đất năm 2012 phải nộp theo thông báo.

#### 4.14 Phải trả khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	-	193.160.056
Phải trả chi phí cổ phần hoá	19.285.572	19.285.572
Phải trả Công ty TCL tiền mượn không lãi suất	-	800.000.000
	<b>19.285.572</b>	<b>1.012.445.628</b>

#### 4.15 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Số dư đầu năm	219.913.945	219.913.945
Trích lập quỹ trong năm	419.534.256	644.686.187
Chi quỹ trong năm	(760.280.103)	(442.325.017)
Số dư cuối năm	<b>(120.831.902)</b>	<b>219.913.945</b>

#### 4.16 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Năm trước</b>					
Số dư 01/01/2011	29.000.000.000	1.457.732.151	161.310.406	3.771.271.938	34.390.314.495
Lãi trong năm	-	-	-	3.690.825.688	3.690.825.688
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	113.585.751	113.000.000	(226.585.751)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(644.686.187)	(644.686.187)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.900.000.000)	(2.900.000.000)
Số dư 31/12/2011	<b>29.000.000.000</b>	<b>1.571.317.902</b>	<b>274.310.406</b>	<b>3.690.825.688</b>	<b>34.536.453.996</b>
<b>Năm nay</b>					
Số dư 01/01/2012	29.000.000.000	1.571.317.902	274.310.406	3.690.825.688	34.536.453.996
Lãi trong năm nay	-	-	-	2.337.012.795	2.337.012.795
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	186.750.148	184.541.284	(371.291.432)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(419.534.256)	(419.534.256)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.900.000.000)	(2.900.000.000)
Số dư 31/12/2012	<b>29.000.000.000</b>	<b>1.758.068.050</b>	<b>458.851.690</b>	<b>2.337.012.795</b>	<b>33.553.932.535</b>

Trong năm 2012, Công ty đã trích lập các quỹ đầu tư phát triển, dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2011 và chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2012, số 12/NQ/2012-BH – ĐHCĐ ngày 14 tháng 5 năm 2012.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Vốn đầu tư chủ sở hữu**

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 17 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ là 29.000.000.000 đồng được chia thành 2.900.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

**Cổ phiếu**

	2012	2011
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá (VND)	10.000	10.000

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Doanh thu**

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	92.395.051.928	99.469.359.807
- Nội địa	38.216.569.357	38.111.978.608
- Xuất khẩu	54.178.482.571	61.357.381.199
Doanh thu cho thuê bất động sản	4.234.864.839	3.731.178.302
Doanh thu bán vật tư	2.208.540.012	432.460.380
Doanh thu bán phế liệu	104.146.121	104.057.292
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.104.631.320	727.483.444
Doanh thu bán hàng hóa	56.590.909	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>100.103.825.129</b>	<b>104.464.539.225</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	2012 VND	2011 VND
Giá vốn thành phẩm	79.774.166.696	86.237.471.603
- Nội địa	37.410.514.945	36.764.836.342
- Xuất khẩu	42.363.651.751	49.472.635.261
Giá vốn bất động sản	1.603.049.750	1.989.631.154
Giá vốn bán vật tư	1.829.615.370	200.735.336
Giá vốn cung cấp dịch vụ	122.398.198	-
Giá vốn bán hàng hóa	55.286.362	-
Dự phòng / (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(239.021.278)	291.433.227
	<b>83.145.495.098</b>	<b>88.719.271.320</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Trong giá vốn thành phẩm bao gồm:		
	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu	35.283.519.988	39.537.489.282
Chi phí nhân công	32.474.255.472	31.419.459.605
Chi phí khấu hao	930.962.730	1.010.479.148
Các chi phí khác	10.624.054.691	15.500.880.835
Cộng : tồn kho thành phẩm đầu năm	1.316.327.600	85.490.333
Trừ : tồn kho thành phẩm cuối năm	(854.953.785)	(1.316.327.600)
	<b>79.774.166.696</b>	<b>86.237.471.603</b>
<b>5.3 Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	111.545.086	41.524.794
Cổ tức	71.400.000	71.400.000
Lãi cho vay vốn	-	191.782.000
Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán	335.555.122	1.692.491.543
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.653.448	-
	<b>528.153.656</b>	<b>1.997.198.337</b>
<b>5.4 Chi phí tài chính</b>		
	2012 VND	2011 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán	369.143.309	972.176.181
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	58.776.610
	<b>369.143.309</b>	<b>1.030.952.791</b>
<b>5.5 Chi phí bán hàng</b>		
	2012 VND	2011 VND
Chi phí vật liệu bao bì	2.723.498.785	2.063.300.217
Chi phí xuất hàng	744.405.524	829.959.863
Chi phí quảng cáo	326.729.928	323.334.216
Chi phí khác	26.240	40.569.628
	<b>3.794.660.477</b>	<b>3.257.163.924</b>
<b>5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	2012 VND	2011 VND
Chi phí nhân viên	5.380.939.367	5.091.611.543
Chi phí đồ dùng văn phòng	332.466.826	398.057.519
Chi phí khấu hao	237.953.685	396.669.107
Tiền thuê đất	1.708.387.755	1.186.973.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	478.584.455	447.405.727
Chi phí khác bằng tiền	2.045.307.877	1.745.784.005
	<b>10.183.639.965</b>	<b>9.266.500.943</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5.7 Thu nhập khác	2012 VND	2011 VND
Thu tiền đền bù vật tư	280.138.485	146.945.175
Thanh lý tài sản	-	305.454.545
Khác	-	10.000.000
	<u>280.138.485</u>	<u>462.399.720</u>
5.8 Chi phí khác	2012 VND	2011 VND
Chi đền bù, bồi thường	166.971.080	17.450.997
Chi thù lao Hội đồng quản trị	136.200.000	114.700.000
Chi thanh lý tài sản cố định	-	26.000.000
Chi phí khác	13.500.000	761.850
	<u>316.671.080</u>	<u>158.912.847</u>
5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2012 VND	2011 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế theo kế toán</b>	<b>3.102.507.341</b>	<b>4.491.335.457</b>
Điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận khi xác định lợi nhuận tính thuế		
Thu nhập không chịu thuế	(71.400.000)	(71.400.000)
Chênh lệch tạm thời do chênh lệch tỷ giá	-	53.729.156
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	(53.729.156)	(307.917.027)
Chi phí không được khấu trừ	84.600.000	70.600.000
<b>Lợi nhuận chịu thuế trong đó:</b>	<b>3.061.978.185</b>	<b>4.236.347.586</b>
Lợi nhuận chịu thuế suất 25%	3.061.978.185	2.799.807.993
Lợi nhuận chịu thuế suất 20%	-	1.436.539.593
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận chịu thuế</b>	<b>765.494.546</b>	<b>843.605.957</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(43.096.188)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>765.494.546</b>	<b>800.509.769</b>
5.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2012	2011
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.337.012.795	3.690.825.688
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.900.000	2.900.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>806</b>	<b>1.273</b>

044-  
CÔNG  
HÀNH  
KIỂM  
C VIÊN  
- TP. H

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 5.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố chi phí

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu	38.468.392.588	41.600.789.499
Chi phí nhân viên	37.855.194.839	36.510.853.968
Chi phí khấu hao	1.168.916.415	1.407.148.255
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)	(239.021.278)	477.798.765
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.859.243.520	5.448.383.329
Chi phí khác bằng tiền	9.400.719.776	13.607.378.701
	<b>93.513.445.860</b>	<b>99.052.352.517</b>

### 6. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý tại thuyết minh mục số 5.1 và 5.2

### 7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hoá lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hoá số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc nguồn vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông.

#### Các công cụ tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Đơn vị tính: Triệu VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và tương đương tiền	11.719.311.251	957.953.065	11.719.311.251	957.953.065
Phải thu khách hàng	7.534.785.490	11.263.075.273	7.534.785.490	11.263.075.273
Phải thu khác	1.898.779.804	2.367.154.235	1.898.779.804	2.367.154.235
Đầu tư dài hạn	956.500.000	956.500.000	956.500.000	956.500.000
	<b>22.109.376.545</b>	<b>15.544.682.573</b>	<b>22.109.376.545</b>	<b>15.544.682.573</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	1.952.750.176	61.000.000	1.952.750.176	61.000.000
Các khoản phải trả khác	176.802.172	1.080.855.628	176.802.172	1.080.855.628
	<b>2.129.552.348</b>	<b>1.141.855.628</b>	<b>2.129.552.348</b>	<b>1.141.855.628</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

### Công cụ tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty có nắm giữ tiền đặt cọc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 157.516.600 VND và ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 68.410.000 VND.

## 8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 8.1. Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Công ty	Quan hệ
Tổng Công ty điện tử tin học Việt Nam	Cổ đông chi phối (công ty mẹ)
Công ty CP TM DV Bình Minh	Công ty con
Công ty cổ phần Công nghệ mới	Cổ đông

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau :

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND
Công ty CP TM DV Bình Minh	Cho thuê kho xưởng	128.580.000
	Gia công quần cuộn	1.642.937.538
	Thu cổ tức năm 2011	71.400.000
Công ty CP Công nghệ Mới	Thu tiền cho vay	400.000.000

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau :

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) VND
Tổng Công ty Điện tử Tin học Việt Nam	Phải trả chi phí bàn giao công ty	(19.285.572)
	Nhà nước sang công ty cổ phần	
Công ty CP Công nghệ Mới	Phải thu tiền thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh và lãi trả chậm	1.602.658.918

### 8.2. Tiền lương trả cho Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát như sau:

	2012 VND	2011 VND
Lương Ban Giám đốc	642.199.780	646.652.000
Thù lao cho các thành viên, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	136.200.000	114.700.000
	<b>778.399.780</b>	<b>761.352.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	<b>778.399.780</b>	<b>761.352.000</b>
--	--------------------	--------------------

### 8.3. Các cam kết

#### Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 204 Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho và nhà xưởng sản xuất và thuê đất tại Khu công nghiệp Hố Nai, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai để làm nhà máy sản xuất. Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả hàng năm trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Trong vòng 1 năm VND	Từ 2 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Số 204 Nơ Trang Long, Bình Thạnh, TP.HCM	4.268.975.530	17.075.902.120	12.806.926.590	34.151.804.240
Khu công nghiệp Hố Nai, tỉnh Đồng Nai	232.569.822	930.279.288	7.296.878.165	8.459.727.275
	<b>4.501.545.352</b>	<b>18.006.181.408</b>	<b>20.103.804.755</b>	<b>42.611.531.515</b>

Tiền thuê đất năm 2012 tại 204 Nơ Trang Long, Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh được tính theo đơn giá thuê mới do Sở Tài Chính ban hành;

Trong đó:

- + Đất thuê làm văn phòng là: 218.900 đ/m<sup>2</sup>/năm
- + Đất thuê đất làm xưởng, kho là: 173.300 đ/m<sup>2</sup>/năm.

Tiền thuê đất năm 2011 được tính theo đơn giá 68.400đ/m<sup>2</sup>/năm.

  
LÊ THỊ NGỌC THÙY  
Kế toán trưởng



  
NGUYỄN VĂN THÀNH  
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2013